

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS - ST

Ngày: 29- 3 - 2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cái Thị Minh Tâm.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh

2. Ông Huỳnh Văn Chớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu , tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX- ST ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Xuân K, sinh năm 1978; trú tại: Số 57, khu phố 5, phường 1, Thành phố T, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 3, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 3, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh N.

- Chị Đỗ Thị Tuyết N, sinh năm 1980; trú tại: Số 57, khu phố 5, phường 1, Thành phố T, tỉnh N. Chị N ủy quyền cho anh K theo giấy uỷ quyền ngày 30/01/2018.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lương Xuân K trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng anh Lương Xuân K và chị Đỗ Thị Tuyết N có cho chị Nguyễn Thị H vay tiền như sau: Ngày 10/5/2017 vay 200.000.000 đồng; ngày 15/7/2017 vay 280.000.000 đồng; ngày 18/8/2017 vay 250.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, có lập hợp đồng vay tiền, chị H có ký tên. Mục đích vay tiền, chị H nói để mua mì, làm rẫy. Đến ngày 18/9/2017 đến hạn trả lãi, chị H chỉ trả được 12.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 10/5/2017 nên hai bên gút nợ lùi ngày mượn tiền là ngày 04/6/2017, tổng cộng các khoản vay trên và làm hợp đồng vay với số tiền là 730.000.000 đồng, đến nay chị H chưa trả cho anh K, chị N được số tiền gốc và lãi.

Nay anh K khởi kiện yêu cầu chị H và anh S (chồng chị H) cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền gốc 730.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 18/9/2017 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

- Theo bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Hai bên giao dịch vay tiền vào khoảng đầu năm 2017, vay qua nhiều lần. Mỗi lần vay có ký vào sổ của chị N giữ. Khi vay thỏa thuận lãi suất theo ngày, cứ 1.000.000 đồng một ngày lãi là 4.000 đồng, 10 ngày thu lãi một lần. Sau cùng do không còn khả năng trả lãi nữa nên anh K chồng chị N mới làm hợp đồng và ký nhận với anh K. Hiện chị H không nhớ số tiền còn nợ cụ thể từng lần, chỉ nhớ còn nợ 530.000.000 đồng, trong đó bao gồm cả tiền lãi, tiền gốc. Việc chị H vay tiền của chị N thì anh Song chồng chị không biết, mục đích chị vay tiền là để xoay sở trong gia đình.

Tại phiên tòa, chị H trình bày chị vay tiền trực tiếp của chị N vợ anh K. Khi không còn khả năng trả nợ thì anh K chồng chị N mới làm hợp đồng và giao cho chị ký không vào hợp đồng vay tiền mà không ghi số tiền vay. Nay chị H chỉ đồng ý trả cho anh K, chị N số tiền cả vốn và lãi là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, phần còn lại không đồng ý trả, không đồng ý anh S trả nợ cho chị N vì đây là nợ riêng của chị H không liên quan đến anh S.

- Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh S là chồng của chị H, việc chị H vay tiền của anh K, chị N thì anh hoàn toàn không biết gì. Hiện anh đang ở nhà làm rẫy, rẫy nhà được 2 mẫu, rẫy thuê 4,5 mẫu. Anh làm rẫy có vay tiền nhưng chỉ vay Ngân hàng và Quỹ tín dụng chứ không vay bên ngoài. Anh hoàn toàn không biết gì về số nợ này, vợ anh mượn thì tự chịu trách nhiệm. Toàn bộ chi phí trong gia đình anh đã lo đầy đủ nên chị H tự mượn thì tự trả, anh S không đồng ý trả tiền cho anh K và chị N. Đây là nợ riêng của chị H.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Tuyết N trình bày:

Chị N là vợ anh K, chị thống nhất theo lời trình bày của anh K. Tổng số tiền chị H vay là 730.000.000 đồng. Chị H nói mượn tiền để mua bán củ mì tươi. Khi mượn thỏa thuận đến cuối mùa mì vào tháng 11/2017 phải tắt toán nợ và thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng, hai bên có tính lãi chị H có trả được 01 tháng tiền lãi là 12.000.000

đồng của số tiền vay đầu tiên, sau đó chỉ tính và chị H hẹn khi bán mì cuối vụ trả luôn lãi và gốc 01 lần. Các lần mượn tiền có ký sổ nhưng sau khi làm lại hợp đồng vay tiền mới thì đã hủy trong sổ ký nhận không còn chứng cứ. Đến nay còn nợ 730.000.000 đồng. Khi vay chị N có yêu cầu chồng chị H ký trong giấy nợ nhưng chị H nói chồng bận việc không đến ký được và cũng sơ suất chưa cho chồng chị H ký vào hợp đồng vay tiền.

Nay chị N yêu cầu chị H và anh S trả cho vợ chồng chị số tiền gốc 730.000.000 (bảy trăm ba mươi triệu) đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết , xét xử vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Xuân K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S.

Buộc anh S, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh K, chị N số tiền 730.000.000 đồng cộng lãi suất 0.83% từ ngày 18/9/2017 đến ngày 29/3/2018.

Anh S, chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Vợ chồng anh K, chị N yêu cầu vợ chồng anh S, chị H trả số tiền gốc vay là 730.000.000 (bảy trăm ba mươi triệu) đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 18/9/2017 đến ngày xét xử 29/3/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 04/6/2017 (bút lục 43) thể hiện do các bên trình bày thống nhất là có vay tiền và có ký vào hợp đồng vay với số tiền 730.000.000 (bảy trăm ba mươi triệu) đồng.

Chị H cho rằng trong số tiền vay trên thì chỉ có 530.000.000 đồng là tiền gốc, khi ký vào hợp đồng vay tiền thì anh K không ghi số tiền vay vào hợp đồng mà sau khi ký xong, chị H về thì anh K tự cộng lãi vào và tự ghi số tiền vay tổng cộng là 730.000.000 đồng vào hợp đồng vay tiền. Chị H chỉ đồng ý trả cả vốn và lãi cho anh K, chị N là 600.000.000 đồng, phần còn lại là 130.000.000 đồng không đồng ý trả. Chị H không đồng ý anh song trả nợ và cho rằng nợ riêng của chị H không liên quan đến anh S, anh S không biết, không ký trong hợp đồng vay tiền. Chị H trình bày nhưng không chứng minh được số tiền 730.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền là có cộng lãi vào, chị H vay tiền là lo cho gia đình, trong hợp đồng vay ghi là vay tiền

mua mì, vợ chồng chị H đang sống chung, đang làm rẫy mì của nhà và rẫy mì thuê nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị H.

Anh S cho rằng vợ anh chị H tự ý mượn tiền của vợ chồng anh K không báo cho anh biết nên tự trả, anh S không đồng ý trả nợ cho anh K, chị N. Xét lời trình bày của anh S thấy rằng: Anh và chị H là vợ chồng hợp pháp, hiện đang chung sống với nhau, số tiền chị H vay rất lớn để trang trải trong gia đình và làm rẫy, mua mì. Qua xác minh của Tòa án thì vợ chồng anh S, chị H có làm rẫy mì, anh S là chồng nên phải có trách nhiệm cùng trả nợ với chị H là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh K, chị N là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi của anh K tại phiên tòa anh yêu cầu tính theo quy định của pháp luật và tính từ ngày 18/9/2017 đến ngày xét xử 29/3/2018. Yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Lãi được tính như sau: Từ ngày 18/9/2017 đến ngày 29/3/2018 là 6 tháng 11 ngày * lãi suất 0,83%/tháng * 730.000.000 đồng = 38.575.600 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng, trừ đi lãi đã nhận 12.000.000 đồng còn lại 26.575.600 (hai mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng.

[4] Về án phí : Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Xuân K và chị Đỗ Thị Tuyết N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lương Xuân K và chị Đỗ Thị Tuyết N số tiền 756.575.600 đồng (bảy trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng; trong đó nợ gốc là 730.000.000 đồng; lãi 26.575.600 đồng tiền lãi tính đến ngày 29/3/2018.

Kể từ ngày anh K, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H, anh S không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị H, anh S còn phải trả cho anh K, chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S phải chịu 34.263.000 (ba mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Anh Lương Xuân K và chị Đỗ Thị Tuyết N không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho anh K số tiền 17.585.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025067 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

“Trường hợp , bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cái Thị Minh Tâm